

TOÁN**Bảng cộng (Tiết 1)****I. Mục tiêu:*****Kiến thức, kĩ năng:**

- Hệ thống hoá các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.
- Vận dụng bảng cộng:
 - Tính nhẩm.
 - So sánh kết quả của tổng.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, làm quen với tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể
 - Tính độ dài đường gấp khúc.
 - Giải toán.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
Bảng cộng qua 10 chưa hoàn chỉnh
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞI ĐỘNG : Tổ chức cho HS chơi trò chơi Gió thổi -GV: Gió thổi, gió thổi! -HS: Thổi gì, thổi gì?	- HS chơi

	<p>-GV: Thời cách cộng qua 10 trong phạm vi 20.</p> <p>- HS : Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại</p> <p>- GV: 9 cộng với một số?</p> <p>- HS: 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>-HS lắng nghe</p>
<p>20' B. THỰC HÀNH:</p>		
	<p><i>Hoạt động 1. Thực hành với bảng cộng</i> ,</p> <p><i>Khôi phục bảng cộng</i></p> <p>- Cho HS quan sát tổng quát bảng cộng (chưa hoàn chỉnh), nhận biết quy luật sắp xếp của bảng (mỗi cột là một bảng cộng, trong mỗi cột: số hạng đầu không đổi, số hạng sau tăng dần).</p> <p>-HD HS bổ sung các phép cộng còn thiếu ($9 + 5, 9 + 8, 8 + 4, \dots$).</p> <p>- HD HS đọc các phép cộng theo cột, theo hàng, theo màu (đọc đầy đủ cả kết quả, ví dụ: $8 + 2 = 11, \dots$), GV điền kết quả vào bảng.</p> <p>Với mỗi cột, GV hỏi cách cộng một vài trường hợp.</p> <p>Ví dụ: Tại sao $9 + 7 = 16$?</p> <p>- GV giúp HS giải thích tại sao các tổng trong các ô cùng màu lại bằng nhau.</p> <p>Ví dụ : $9 + 2 = 8 + 3$</p> <p>-GV kết luận</p>	<p>-HS quan sát, nhận biết quy luật</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS đọc bảng cộng</p> <p>-GV nhận xét</p> <p>-HS trình bày</p>
	<p><i>Hoạt động 2: Thực hành với bảng cộng (HS sử dụng SGK)</i></p> <p><i>Bài 1:</i></p> <p>- HS hoạt động nhóm đôi.</p> <p>a)HS thực hiện như SGK.</p> <p>b) Lưu ý HS chỉ cần thực hiện các phép cộng có trong bảng.</p> <p>-GV nhận xét</p>	<p>- HS làm việc theo đội nhóm; thực hiện yêu cầu</p> <p>-HS nhận xét.</p>

2'	<p>C.CÙNG CỐ-DẶN DÒ: Cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 (Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại). Cụ thể: - 9 cộng với một số? (9 cộng 1 rồi cộng số còn lại) 8 cộng với một số? (8 cộng 2 rồi cộng số còn lại). Nhận xét, tuyên dương</p>	-HS thực hiện
----	--	---------------

TOÁN

Bảng cộng (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống hoá các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.
- Vận dụng bảng cộng:
 - Tính nhẩm.
 - So sánh kết quả của tổng.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, làm quen với tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể
 - Tính độ dài đường gấp khúc.
 - Giải toán.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
 - Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
 - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
 Bảng cộng qua 10 chưa hoàn chỉnh
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
2'	A.KHỞ ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none"> - HS bắt bài hát - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát -HS lắng nghe
25'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS thực hiện cá nhân. - Khi sửa bài, GV yêu cầu HS giải thích (kết quả có thể dựa vào bảng hoặc áp dụng cách cộng qua 10 trong phạm vi 20). - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> -HS nêu yêu cầu bài tập - HS thực hiện -HS nhận xét
	Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết: cần phải thực hiện tính toán để tìm số con chim có tất cả: $8 + 4 + 3 = 15$. - Khi sửa bài, GV lưu ý HS có thể chọn cách tính, thuận tiện: $6 + 5 + 4$, ta có thể tính, tổng của 6 và 4 trước, rồi cộng với 5. -GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện -HS nhận xét
	Bài 3: <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu +Tìm hiểu mẫu: Tổng hai số trong khung hình là số tương ứng ở ngoài - HD HS làm theo mẫu - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS trình bày -HS nhận xét
	Bài 4: <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu bài và tìm cách làm. HS dựa vào bảng cộng để thực hiện. Lưu ý sự liên quan giữa số hạng thứ hai và chữ số lii đơn vị của - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS trình bày -HS nhận xét

	<p>Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - Hd HS dựa vào tính toán hoặc cảm nhận về số để thực hiện. <p>Ví dụ: $2 + 8 = 10$ nên $3 + 8 > 10$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS trình bày -HS nhận xét
8'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <p>Cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 (Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại).</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9 cộng với một số? (9 cộng 1 rồi cộng số còn lại) - 8 cộng với một số? (8 cộng 2 rồi cộng số còn lại).Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời

TOÁN

Bảng cộng (Tiết 3)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống hoá các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.
- Vận dụng bảng cộng:
 - Tính nhẩm.
 - So sánh kết quả của tổng.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, làm quen với tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể
 - Tính độ dài đường gấp khúc.
 - Giải toán.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
 - Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
 - Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

Bảng cộng qua 10 chưa hoàn chỉnh

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞI ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none">- HS bắt bài hát- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS hát-HS lắng nghe
25'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 6: <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu bài tập- HS nhóm đôi tìm hiểu bài và thực hiện.- HS có thể thực hiện bằng cách thử chọn lần lượt hoặc suy luận: $7 + (b \text{ ỏ } r \text{ ủa } a) < 7 + 2$ Bỏ rùa phải che số bé hơn 2 nên ta chọn số 1.- GV nhận xét	<ul style="list-style-type: none">-HS nêu yêu cầu bài tập- HS thực hiện-HS nhận xét
	Bài 7: <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu bài tập- HS nhóm bốn thảo luận, nhận biết yêu cầu của bài và tìm cách giải quyết.- HS có thể tính tổng hoặc dựa vào mối quan hệ giữa tổng và số hạng: Mỗi tổng đều có số hạng là 9, kết quả lớn hay bé tùy thuộc vào số hạng còn lại.- -GV nhận xét, sửa chữa	<ul style="list-style-type: none">-HS Nêu yêu cầu bài tập-HS thực hiện-HS nhận xét
	Bài 8: <ul style="list-style-type: none">- HS nêu yêu cầu- +GV giải thích từ “bến” (gọi tắt của bến tàu, bến thuyền),- HD HS tìm hiểu bài nhận biết số trong hình tròn là số cửa bến (bến số 13), kết quả	<ul style="list-style-type: none">-HS Nêu yêu cầu bài tập

	<p>mỗi phép tính là số của thuyền. Thuyền mang số nào thì sẽ đậu ở bến đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tính để thực hiện yêu cầu. - GV nhận xét, sửa chữa 	<p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p>Bài 9:</p> <p>-Tìm hiểu bài và tìm cách làm.</p> <p>a) Để biết quãng đường mỗi bạn sên bò, HS thảo luận tìm cách GQVĐ ; HS có thể đo nối tiếp; HS có thể đo từng từng đoạn rồi thực hiện phép tính cộng</p> <p>a)So sánh.</p> <p>$13\text{ cm} > 1\text{ dm}$ (do $1\text{ dm} = 10\text{ cm}$).</p> <p>$10\text{ cm} = 1\text{ dm}$</p> <p>- GV nhận xét, sửa chữa</p>	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p>Bài 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HD HS nhận biết hai nhiệm vụ cần làm: viết phép tính, nói câu trả lời. - HS thực hiện - Kh sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích tại sao chọn phép cộng (Tìm số bạn có tất cả tương ứng với thao tác gộp) - GV nhận xét, sửa chữa 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
8'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <p>Cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 (Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại).</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9 cộng với một số? (9 cộng 1 rồi cộng số còn lại) - 8 cộng với một số? (8 cộng 2 rồi cộng số còn lại).Nhận xét, tuyên dương 	<p>-HS trả lời</p>

TOÁN

Đường thẳng – Đường cong

I. Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết hình ảnh đường thẳng, đường cong.
- Vận dụng: luận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). Sợi dây dài khoảng 50cm
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. Sợi dây dài khoảng 50cm

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞI ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none">- HS bắt bài hát- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS hát-HS lắng nghe
25'	B. BÀI HỌC THỰC HÀNH: Hoạt động 1. Giới thiệu đường thẳng, đường cong a/Giới thiệu đường thẳng <ul style="list-style-type: none">- GV chỉ vào hình ảnh mới vẽ trên bảng và giới thiệu: Nếu ta kéo dài mãi một đoạn thẳng về hai phía, ta được một đường thẳng.-HS chỉ tay vào hình ảnh trên bảng con và nói: Đường thẳng.-HS quan sát bức tranh “Các bạn vui chơi”, làm theo yêu cầu của GV: Tìm trong tranh vẽ, các hình ảnh là một phần của đường thẳng	<ul style="list-style-type: none">-HS quan sát- HS thực hiện-HS quan sát, làm theo yêu cầu của

	<p>-HS nhận biết (lấy tay đồ theo hình ảnh - miệng nói: đường thẳng), chẳng hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dây cáp màu vàng căng thẳng để giữ chắc thuyền lồng, dạng đường thẳng các dây cáp này có <p>Hai đường màu xanh đỡ thuyền rồng có dạng đường thẳng.:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét <p>a)Giới thiệu đường cong</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt vấn đề: Các thanh thép màu đỏ được uốn cong để tàn lượn lên xuống, các thanh thép này có dạng đường thẳng không? - GV giới thiệu hình ảnh đường cong, đường thẳng. HS chỉ vào hình vẽ phần bài học và nói: đường cong, đường thẳng. - HS tìm các hình ảnh khác trong tranh có dạng đường cong, đường thẳng 	<p>GV</p> <p>-HS nhận biết</p> <p>-HS quan sát , nhận biết</p>
	<p>Hoạt động 2:Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HD HS thực hiện - GV nhận xét, sửa chữa 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p>Bài 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HD HS làm theo mẫu - GV nhận xét, sửa chữa <p>Đặt nước em</p> <p>-GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh hai con đường để nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong.</p>	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>

	- Tìm vị trí tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn trên bản đồ.	
8'	C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ: - Yêu cầu HS tìm hình ảnh đường thẳng, ví dụ: tia nắng mặt trời, thanh song cửa nếu kéo dài mãi về hai phía,..., hình ảnh đường cong, ví dụ: dây phoi đồ, dây điện, - Nhận xét, tuyên dương	-HS trả lời

TOÁN

Đường gấp khúc

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết hình ảnh đường gấp khúc.
- Tính được độ dài đường gấp khúc.
- Giải quyết vấn đề liên quan đến đo độ dài đoạn thẳng, tính toán độ dài đường gấp khúc.
- Vận dụng: nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). Sợi dây dài khoảng 50cm
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. Sợi dây dài khoảng 50cm

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞI ĐỘNG :	- HS hát

	<ul style="list-style-type: none"> - HS bắt bài hát - GV dẫn dắt vào bài mới 	-HS lắng nghe
15' B. BÀI HỌC THỰC HÀNH:		
	<p>Hoạt động 1. Giới thiệu đường gấp khúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh cầu Long Biên (SGK trang 52). - GV giới thiệu về cầu Long Biên. + Cây cầu bắc ngang sông Hồng ở Thủ đô Hà Nội. + Được xây dựng cách đây hơn 100 năm, thời đó cầu Long Biên là cây cầu dài thứ hai trên thế giới. + Cho tới nay, cây cầu vẫn nổi tiếng đẹp vì các chi tiết sắt tạo thành các đường gấp khúc hài hoà. - GV giới thiệu đường gấp khúc. + GV vẽ một đường gấp khúc (như SGK) lên bảng lớp và giới thiệu: đây là đường gấp khúc. + HS kéo ngón tay lần lượt theo các đoạn thẳng của đường gấp khúc ở SGK và nói: đường gấp khúc. + GV vẽ thêm một đường gấp khúc có 2 đoạn thẳng, một đường gấp khúc có 4 đoạn thẳng và nói: đường gấp khúc có thể có 2, 3, 4 hoặc nhiều đoạn thẳng. - HS nhóm đôi tìm hình ảnh các đường gấp khúc ở hình cầu Long Biên. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS quan sát - HS lắng nghe -HS thực hiện -HS tìm hình ảnh đường gấp khúc
	<p>Hoạt động 2. Hướng dẫn cách đọc đường gấp khúc</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV viết tên cho ba đường gấp khúc trên bảng lớp và hướng dẫn HS cách đọc: người ta thường đọc từ trái sang phải. 	-HS đọc
	<p>Hoạt động 2: Tính độ dài đường gấp khúc</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV HD HS thực hành tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết đường gấp khúc gồm mấy đoạn. + Xác định số đo mỗi đoạn thẳng (nếu bài không cho trước thì phải dùng thước để đo). + Tính tổng các số đo của các đoạn thẳng. -HD HS thực hành tính, rồi viết ra bảng con -HS nói: Đường gấp khúc ABCD dài 7 cm -GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện HS viết ra bảng con: $2\text{ cm} + 4\text{ cm} + 1\text{ cm} = 7$ -HS nhận xét

	<p>Hoạt động :Thực hành xếp đường gấp khúc</p> <p>HD HS nhóm bốn dùng bút chì, bút sáp,... để xếp đường gấp khúc gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 đoạn thẳng; - 3 đoạn thẳng; - 4 đoạn thẳng. <p>GV nhận xét, sửa chữa</p>	<p>-HS thực hiện</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
15' B. LUYỆN TẬP:		
	<p>Bài 1 : Nói theo mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> -HD HS nói theo mẫu + Nói thầm +Nói cho bạn nghe +Nói cho cả lớp nghe -Gv nhận xét 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> -HD HS nhóm bốn giải quyết vấn đề. + Tìm hiểu vấn đề: nhận biết được nhiệm vụ: Tính độ dài mỗi đường gấp khúc. - Lập kế hoạch: Nêu được cách thức GQVĐ. <ul style="list-style-type: none"> • Xác định số đoạn thẳng của mỗi đường gấp khúc. • Xác định số đo mỗi đoạn thẳng. • Xác định độ dài đường gấp khúc. - Tiến hành kế hoạch. <ul style="list-style-type: none"> • Đo độ dài mỗi đoạn thẳng. • Tính độ dài mỗi đường gấp khúc hoặc đo liên tiếp. <p>Một vài nhóm trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm bổ sung, nhận xét, GV tổng kết. 	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS tìm hiểu nhiệm vụ và thực hiện</p> <p>+Đường màu vàng: 5 cm + 6 cm + 4 cm = 15 cm.</p> <p>+Đường màu xanh: 6 cm + 9 cm = 15 cm.</p> <p>-HS nhận xét</p>

	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS nhóm bốn thực hiện. - GV giúp HS diễn tả các đường trong hình vẽ 	<ul style="list-style-type: none"> -HS Nêu yêu cầu bài tập -HS thực hiện -HS nhận xét
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hình ảnh đường gấp khúc trong cuộc sống -Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> -HS thực hiện

TOÁN

SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ - HIỆU (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

****Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.
- Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100

****Năng lực, phẩm chất:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

TL	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
B.LUYỆN TẬP :		
10'	Hoạt động: Luyện tập *Bài 1: HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu là thực hiện phép tính trừ - HS thực hiện (bảng con). $\begin{array}{r} t \\ * \\ * \\ t \\ - \\ \hline \end{array}$ (11 - HD HS sửa bài: <ul style="list-style-type: none"> • HS làm trên bảng lớp • HS gọi tên các thành phần của phép tính. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm ở bảng con -HS trả lời
15'	Bài 2: - Tìm hiểu bài. <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu của bài là gì? (Tính nhẩm) -HS làm bài theo nhóm đôi (đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe). -HS nêu -GV nhận xét	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS trả lời -HS khác nhận xét, bổ sung.
	Bài 3: - Tìm hiểu bài <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu của bài là gì? (Số?). • Tìm thế nào? 	- HS nêu yêu cầu bài tập.

	<p>(Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, tính từ trên xuống: 8 gồm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài theo nhóm đôi. - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.
	<p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài. • Yêu cầu của bài là gì? (Số?). • Tìm thế nào? (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu (?)) - HS làm bài. <p>GV lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm tra kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.
	<p>Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu, nhận biết: hiệu của hai số trên mỗi bó cỏ là số của con bò. Ví dụ: Hiệu của 25 và 20 là 5, đây là bó cỏ của con bò số 5. - Khi sửa bài, yêu cầu HS nói kết quả tìm được. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS trả lời -HS khác nhận xét, bổ sung.
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: HỎI NHANH - ĐÁP GỌN - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép trừ. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính. - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS chơi trò chơi -HS trả lời, thực hiện

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)

I. Mục tiêu:

***Kiến thức, kỹ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞI ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
10'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH: Hoạt động 1. Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn -Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch. -HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận biết -GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn: • Số kẹo bạn trai là số bé (6). • Số kẹo bạn gái là số lớn (9).	-HS thực hiện -HS quan sát nhận biết +Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. +Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo

	<ul style="list-style-type: none"> Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch). Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu? HS viết ra bảng con: $9 - 6 = 3$ (tìm phần chênh lệch). GV chỉ vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói: Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo. Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. 	<p>-HS quan sát</p> <p>-HS viết ở bảng con</p> <p>-Nhận xét</p>
15'	<p>Hoạt động 2:Thực hành</p> <p>Bài 1: HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương</p> <p>Bài 2: GV hd, HS nhận biết các việc cần làm</p> <ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch. Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận. <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
3'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
20'	B.LUYỆN TẬP : Hoạt động: Luyện tập *Bài 1: -Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch. (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.) -GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói. Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm việc theo nhóm -HS trả lời
	Bài 2: -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ ($10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}$). -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm. -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch. -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. Ví dụ: - GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo. HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con,	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.

	<p>nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	
12'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kĩ năng:*

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	<p>A.KHỞ ĐỘNG :</p> <p>-Trò chơi: ĐÓ BẠN</p> <p>+GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?</p> <p>+Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.</p> <p>+GV: Gộp 80 và 7 được số nào?</p> <p>+Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.</p> <p>-Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.</p> <p>-GV vào bài</p>	-HS chơi
22'	<p>B.LUYỆN TẬP :</p> <p><i>Hoạt động: Luyện tập</i></p> <p>Bài 1:</p> <p>-Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu của bài: số?. • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). <p>- Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.</p> <p>Ví dụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Em đếm thêm 1. Em đếm thêm 2. Em đếm thêm 10. <p>- GV nhận xét, củng cố</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm ở bảng con</p> <p>-HS trả lời</p>
'	<p>Bài 2:</p> <p>- HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. • Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3. <p>- Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.</p> <p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời</p>

	<p>-HS nêu -GV nhận xét</p>	<p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 3: -Nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện $34 + 52 = 86$ 34 là số hạng 52 là số hạng 86 là tổng -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia. -HS thay ? bằng phép tính thích hợp -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 4: - HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính - HS thực hiện (bảng con). - Sửa bài. • HS làm tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính). * Lưu ý HS đặt đúng phép tính $8 + 41$ -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
5'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

